TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 01 - 11 - 2022
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Lê Nguyên Khoa

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 121/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 27/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thế H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 97B/11, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 22B/2, ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Minh Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp X2, xã Y2, huyện Z2, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Tạm trú: Số 22B/2, ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Anh Trần Thế H – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Trần Thế H trình bày:*

Vào ngày 01/6/2018 anh và chị H1 đã thuận tình ly hôn theo quyết định số: 157/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn xong H1 không đồng ý phân chia tài sản mà cho người khác thuê, anh về nhà cha mẹ ruột ở. Trong thời kỳ hôn nhân vào ngày 21/5/2018 anh H chị H1 có mua phần đất thửa 315, tờ bản đồ số 15, diện tích 123,3m^2 tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long của bà Đào Kim L, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do chị H1 đứng tên. Nguồn tiền mua đất là của anh H chị H1 làm ăn dành dụm và có mượn thêm ở bên ngoài, lúc đó do anh H ở nhà giữ con, nên để cho chị H1 đứng ra làm giấy tờ. Đến tháng 6/2018 anh H và chị H1 ly hôn nhưng vẫn sống chung nhà, đến năm 2019 anh H mới xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất thửa 315, sau đó anh H bị tai nạn nên đã về nhà cha mẹ ruột ở còn chị H1 vẫn ở tại căn nhà trên thửa 315. Nguồn tiền xây nhà do anh làm ăn chung với người em. Khi anh H về nhà thì chị H1 đã thay ổ khóa cửa và có người khác ở trong căn nhà của anh, anh có hỏi thì chị H1 nói đã cho người khác thuê. Căn nhà anh H xây dựng có giá 250.000.000đ.

Nay yêu cầu chị Nguyễn Thanh H1 giao cho anh sử dụng phần đất có gắn căn nhà thuộc thửa 315 diện tích 123,3m^2, đất do chị Nguyễn Thanh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh đồng ý trả ½ giá trị thửa đất cho chị H1 là giá thị trường 3.000.000đ/m^2, đối với căn nhà anh không đồng ý chia vì anh là người đứng ra cất nhà.

** Bị đơn chị Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Vào ngày 01/6/2018 chị H1 anh H đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 157/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, trong phần tài sản chung vợ cH1 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 21/5/2018 chị H1 có mua phần đất thửa 315, tờ bản đồ số 15, diện tích 123,3m^2 tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long của bà Đào Kim L với giá 209.614.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá hợp đồng là 12.000.000 đồng. Sau đó chị đi kê khai đăng ký được được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/6/2018. Sau đó chị chuyển mục đích đất từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2018. Nguồn tiền mua đất chị H1 mượn tiền chị Lê Thị L1 số tiền 90.000.000 đồng, phần còn lại chị H1 vay Ngân hàng. Khi ly hôn xong thì chị H1 và anh H không còn sống chung nhà, đến năm 2019 chị H1 xây dựng nhà trên thửa 315, nguồn tiền xây nhà chị H1 vay của anh Trần Minh Th 300.000.000 đồng, sau đó anh Th thuê lại nguyên căn nhà giá 2.000.000 đồng/tháng, sau đó chị có nhờ anh H đứng ra xem thợ xây nhà dùm chị, tiền chị bỏ ra đưa cho anh H đi mua vật liệu xây dựng, căn nhà chị xây dựng có giá khoảng 240.000.000 đồng. Hiện tại chị H1 vẫn còn ở trong căn nhà trên thửa 315, khi cất nhà xong chị H1 thuê lại của anh Th phần căn nhà phía trước giáp lộ khoảng 30m^2 để bán tạp hóa, mỗi tháng chị H1 trả cho anh Th 700.000đ. Nay chị H1 không đồng ý theo yêu cầu của anh H về việc yêu cầu chia đôi thửa đất 315 và giao cho anh H căn nhà trên đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh Th:*

Anh Th là bạn của chị H1, vào ngày 29/3/2019 chị H1 mượn tiền của anh Th để xây nhà số tiền mượn 300.000.000 đồng, có làm giấy tờ, lúc chị H1 mượn tiền không có mặt anh H do vợ cH1 đã ly hôn, chị H1 chưa trả tiền cho anh Th, sau đó có nhu cầu để bãi giữ xe nên anh Th có hỏi chị H1 để thuê lại căn nhà này với giá 1.500.000 đồng, thuê nhà vào ngày 29/3/2019 cho đến nay. Số tiền 300.000.000 đồng là tiền anh đặc cọc cho chị H1 mượn để cất nhà, sau này nhà xây xong, anh thuê lại căn nhà của chị H1. Đến tháng 4/2019 chị H1 thuê lại phía trước để bán tạp hóa giá thuê là 700.000 đồng, nếu là tài sản chung của anh H chị H1 thì anh yêu cầu chị H1 anh H cùng trả số tiền 300.000.000 đồng cho anh.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 121/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 156, 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015;

Căn cứ các Điều 33, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3, Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thế H yêu cầu chị Nguyễn Thanh H1 chia đôi tài sản chung phần đất gắn với căn nhà tại thửa 315 diện tích 123,3m^2, anh nhận đất và bồi hoàn ½ giá trị đất cho chị H1, yêu cầu được nhận sử dụng căn nhà gắn trên đất. Đất do chị Nguyễn Thanh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/9/2022 bị đơn anh Trần Thế H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc chị Nguyễn Thanh H1, chia đôi tài sản chung là thửa đất 315, buộc chị H1 giao nhà và đất cho anh H, anh H đồng ý hoàn lại ½ giá trị đất cho chị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất giá trị thửa đất số 315, diện tích 123,3m^2 có giá 400.000.000 đồng; Giá trị căn nhà thống nhất theo hội đồng 276.406.055 đồng

Nguyên đơn Trần Thế H yêu cầu chia đôi tài sản nhà, đất. Anh H đồng ý giao nhà, đất cho chị H1. Chị H1 phải hoàn trả lại ½ giá trị nhà, đất cho anh H.

Bị đơn Nguyễn Thanh H1 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Trần Thế H; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Buộc chị H1 chia cho anh H số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 31.500.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm anh H phải chịu 1.875.000 đồng, chị H1 phải chịu án phí 1.575.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Anh H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/9/2022 anh Trần Thế H kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của anh H được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh H: Yêu cầu chia đôi thửa đất 315 và chia đôi giá trị căn nhà là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì: Ngày 16/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý yêu cầu xin ly hôn của chị H1, về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 21/5/2018 chị H1 ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa 315 của chị Đào Kim L. Đến ngày 01/6/2018 chị H1 anh H thuận tình ly hôn theo Quyết định số 157/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Như vậy, tại thời điểm chị H1 ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa 315 thì giữa chị H1 anh H đã xảy ra mâu thuẫn và anh H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, được Tòa án thụ lý giải quyết. Đồng thời, tại công văn số: 4367/STNMT ngày 15/12/2021 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Long thể hiện chị H1 đứng tên kê khai đăng ký, không thể hiện các thành viên trong hộ có kê khai, hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thửa 315 không có tên anh Trần Thế H tham gia. Do đó, không có căn cứ cho rằng thửa đất 315 diện tích 123,3m^2 là tài sản chung của anh H và chị H1.

Đối với căn nhà cấp 4 gắn trên thửa đất 315, anh H cho rằng đây là tài sản riêng của anh H do anh H là người đứng ra cất nhà, tại thời điểm cất nhà vợ cH1 còn sống chung nay anh yêu cầu chia đôi; Chị H1 thì cho rằng căn nhà là tài sản riêng của chị H1, chị H1 thuê anh H trông coi việc cất nhà, chi phí cất nhà do chị H1 chi trả. Xét thấy, tại thời điểm cất nhà anh H và chị H1 đã ly hôn, theo xác minh của cán bộ tổ trưởng dân tự quản cho rằng năm 2019 chị H1 có cất nhà có nhờ anh H coi dùm, anh H không có ở tại nhà đang cất, thời điểm cất nhà cả hai đã ly hôn. Ngoài lời trình bày của anh H thì anh H không có chứng cứ chứng minh căn nhà là tài sản của cá nhân anh.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu

cầu kháng cáo của anh H; Giữ nguyên sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh H phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thế H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 121/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 33, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thế H yêu cầu chị Nguyễn Thanh H1 chia đôi tài sản chung phần đất gắn với căn nhà tại thửa 315 diện tích 123,3m^2, anh nhận đất và bồi hoàn ½ giá trị đất cho chị H1, yêu cầu được nhận sử dụng căn nhà gắn trên đất. Đất do chị Nguyễn Thanh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Thế H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004235 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh Trần Thế H đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.LH 01;
- Chi cục H.LH; 01;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư